

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ GIA NGHĨA
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 12/2020/QĐST-HNGĐ

Gia Nghĩa, ngày 11 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 107, 110, 119 của Luật
Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban
Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử
dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 08/2020/TLST-HNGĐ ngày
06 tháng 5 năm 2020, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi
con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Trần Thị H, sinh năm 1988 và anh Phạm Văn T, sinh năm 1984; cùng địa
chỉ: Tổ dân phố 5, phường Nghĩa Tr, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Phạm Văn T là hôn nhân tự nguyện
và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29 do Ủy
ban nhân dân phường Nghĩa Tr, thị xã G (nay là thành phố G), tỉnh Đắk Nông cấp
ngày 28/6/2010.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 20/4/2020 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không
thành ngày 03/6/2020, chị Trần Thị H và anh Phạm Văn T yêu cầu Tòa án công nhận
thuận tình ly hôn; về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị H và
anh Phạm Văn T thỏa thuận giao hai con chung là Phạm Trần Lam N, sinh ngày
10/10/2012 và Phạm Trần Thùy M, sinh ngày 09/9/2014 cho chị H trực tiếp trông
nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 (mười tám) tuổi.
Anh Phạm Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Phạm Trần Thùy M, sinh
ngày 09/9/2014. Mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/01 tháng, phương thức cấp
dưỡng theo từng tháng, thời gian bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng từ ngày
11/6/2020 cho đến khi cháu M đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị Trần Thị H không yêu cầu
anh Phạm Văn T cấp dưỡng nuôi con chung là Phạm Trần Lam N, sinh ngày
10/10/2012; về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị H và anh Phạm Văn T
không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, chị Trần Thị H
và anh Phạm Văn T thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc
trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con và thống nhất không yêu cầu Tòa

án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Phạm Văn T thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Giao hai con chung là Phạm Trần Lam N, sinh ngày 10/10/2012 và Phạm Trần Thùy M, sinh ngày 09/9/2014 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 (mười tám) tuổi.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn: Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Phạm Trần Thùy M, sinh ngày 09/9/2014. Mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/01 tháng, phương thức cấp dưỡng theo từng tháng, thời gian bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng từ ngày 11/6/2020 cho đến khi cháu My đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị Trần Thị H không yêu cầu anh Phạm Văn T cấp dưỡng nuôi con chung là Phạm Trần Lam N, sinh ngày 10/10/2012.

Việc thay đổi nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung được quy định tại Điều 107, Điều 110, Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị H và anh Phạm Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị H và anh Phạm Văn T phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc Hôn nhân và gia đình là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002163 ngày 06/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố G;
- UBND phường Nghĩa Tr (đăng ký số 29 ngày 28/6/2010);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Mai Đoàn Minh Hương